

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2020

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Cao Văn Lô

2/ Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 147/2020/TLST-HNGĐ, ngày 10/6/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 07/7/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Đỗ Hồng Ng**, sinh năm 1989. Địa chỉ: phường 1, thành phố TA, tỉnh Long An.

* Bị đơn: Ông **Phan Minh L**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp 1, xã MP, huyện X, tỉnh Long An.

(Bà Ng có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông L vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Đỗ Hồng Ng trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà và ông L tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 30/8/2012 tại Ủy ban nhân dân xã MP. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn ngày càng gay gắt, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2018 và hai người ly thân từ đó cho đến nay. Do không thể hàn gắn được mối quan hệ hôn nhân này, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông L không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông **Phan Minh L** trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt, không làm bản tự khai, không

tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của bà Ng, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Bà Đỗ Hồng Ng nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Phan Minh L. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Ng có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông L được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để xét xử nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Ông Phan Minh L vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Do đó, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của bà Ng xác định như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Ng và ông L tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 30/8/2012 tại Ủy ban nhân dân xã MP, huyện X, tỉnh Long An. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà Ng và ông L là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình. Bà Ng xác định không thể hàn gắn được mối quan hệ hôn nhân này, nên yêu cầu được ly hôn với ông L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân của bà Ng và ông L là hôn nhân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hôn nhân hạnh phúc dựa trên nền tảng của sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, cảm thông và chia sẻ. Bà Ng kiên quyết xin ly hôn với ông L vì không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này. Ông không đưa ra được bất kỳ giải pháp nào để hàn gắn cuộc hôn nhân và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn trong hôn nhân giữa 2 bên là trầm trọng, yêu cầu xin ly hôn của bà Ng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà Ng xác định bà và ông L không có con chung. Ông L cũng không có ý kiến gì về lời trình bày của Ngọc. Do đó Hội đồng xét xử xác định bà Ng và ông L không có con chung.

Về nợ chung, tài sản chung: Cho đến khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà Ng là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Ng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Hồng Ng đối với ông Phan Minh L.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Hồng Ng được ly hôn với ông Phan Minh L.

2/ Về án phí: Bà Đỗ Hồng Ng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007182, ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An. Bà Đỗ Hồng Ng không phải nộp thêm. Ông Phan Minh L không phải chịu án phí.

3/ Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện X;
- VKSND huyện X;
- Các đương sự;
- UBND xã MP;
- Lưu HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng